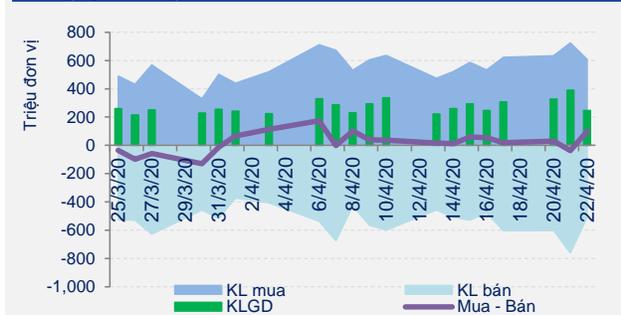


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/4/2020

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|------------|
| Index | 768.92 | 106.80 |
| % Thay đổi | ↑ 0.27% | ↑ 2.01% |
| KLGD (CP) | 246,605,681 | 49,673,859 |
| GTGD (tỷ đồng) | 3,901.11 | 483.23 |
| Tổng cung (CP) | 509,172,160 | 75,910,000 |
| Tổng cầu (CP) | 607,758,530 | 87,872,400 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 29,754,160 | 1,112,422 |
| KL mua (CP) | 19,059,010 | 608,900 |
| GTmua (tỷ đồng) | 514.67 | 4.98 |
| GT bán (tỷ đồng) | 829.28 | 10.41 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (314.61) | (5.44) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -3.74% | 11.3 | 1.8 | 5.9% |
| Công nghiệp | ↓ -2.73% | 10.5 | 2.2 | 11.2% |
| Dầu khí | ↓ -7.12% | 15.5 | 1.4 | 5.0% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -2.81% | 15.1 | 3.4 | 6.6% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -1.48% | 11.9 | 2.2 | 1.2% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -3.79% | 14.0 | 3.6 | 13.2% |
| Ngân hàng | ↓ -4.05% | 8.1 | 1.8 | 16.3% |
| Nguyên vật liệu | ↓ -4.36% | 12.1 | 1.5 | 16.6% |
| Tài chính | ↓ -2.71% | 13.6 | 2.4 | 18.9% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↓ -4.55% | 10.4 | 1.8 | 5.1% |
| VN - Index | ↑ 0.27% | 12.0 | 2.5 | 109.4% |
| HNX - Index | ↑ 2.01% | 9.2 | 1.3 | -9.4% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản suy giảm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 2,08 điểm (+0,27%) lên 768,92 điểm; HNX-Index tăng 2,1 điểm (+0,21%) lên 106,8 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.728 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 303 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 893 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 354 mã tăng, 116 mã giảm, 220 mã giữ. Thị trường giảm điểm trong phiên sáng do áp lực bán từ đầu phiên nhưng từ cuối phiên sáng, lực cầu gia tăng giúp các chỉ số dần lấy lại sắc xanh. Nhóm cổ phiếu trụ cột hồi phục trong phiên hôm nay với nhiều mã tăng giá, có thể kể đến như BID (+4,3%), SAB (+2,9%), VPB (+3,3%), MSN (+2,8%), CTG (+2,4%), HPG (+3%), VNM (+0,7%), GVR (+0,9%), VJC (+0,1%), TCB (+0,3%)... Trên sàn HNX, các trụ cột như ACB (+3%), SHB (+3,2%), VIF (+9,7%), VCS (+2,4%), SHS (+3,7%)... hồi phục mạnh giúp chỉ số HNX-Index lấy lại 2,01% giá trị trong phiên hôm nay.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Phố Wall tiếp tục giảm điểm trong phiên giao dịch đêm qua trong bối cảnh mà giá dầu thế giới tiếp tục giảm mạnh khi hợp đồng tương lai dầu WTI giao tháng 6 đã giảm 34% xuống mức 14 USD/thùng trong phiên đêm qua. Diễn biến này đã có tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư trong nước dẫn đến áp lực bán mạnh vào đầu phiên. Rất may là lực cầu bắt đáy quanh ngưỡng 750 điểm đã giúp chỉ số hồi phục trở lại. Tuy nhiên, thanh khoản trong phiên suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy đây có khả năng chỉ là phiên hồi kỹ thuật. Khối ngoại tiếp tục chuỗi ngày bán ròng với khoảng 320 tỷ đồng trên hai sàn là điểm nhấn tiêu cực. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 kỳ hạn tháng 5 tăng mạnh hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó thu hẹp mức basis âm xuống thành 27,52 điểm, cho thấy nhà đầu tư vẫn nghiêng về khả năng thị trường sẽ sớm giảm trở lại. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/4, VN-Index có thể sẽ giảm điểm trở lại với ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 750 điểm và vùng kháng cự trong khoảng 780-800 điểm (gap down giữa hai phiên 11/3 và 12/3). Nhà đầu tư sau khi đã giảm tỷ trọng cổ phiếu khi thị trường vượt ngưỡng 780 điểm nên tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường và có thể tiếp tục bán ra nếu như VN-Index có nhịp tăng lên vùng kháng cự 780-800 điểm. Đối với những nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy quanh ngưỡng 750 điểm trong phiên hôm nay nên đứng ngoài và quan sát trong phiên tới.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **22/4/2020**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sáng, chạm mức thấp nhất trong phiên tại 749,97 điểm. Từ cuối phiên sáng trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số dần lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên chiều tại 774,994 điểm. Về cuối phiên, lực bán gia tăng thu hẹp mức giảm của chỉ số. Kết phiên, VN-Index tăng 2,08 điểm (+0,27%) lên 768,92 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID tăng 1.500 đồng, SAB tăng 5.000 đồng, VPB tăng 650 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 2.200 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giảm điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 102,275 điểm. Lực cầu từ cuối phiên sáng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 107,283 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,1 điểm (+2,01%) lên 106,8 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB tăng 600 đồng, SHB tăng 500 đồng, VIF tăng 1.400 đồng. Ở chiều ngược lại, PTI giảm 2.000 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 315,04 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 11,5 triệu cổ phiếu. VNM là mã bị bán ròng nhiều nhất với 67,2 tỷ đồng tương ứng với 692 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VRE với 62 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FPT là mã được mua ròng nhiều nhất với 87,6 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 5,47 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 504 nghìn cổ phiếu. LAS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 2,6 tỷ đồng tương ứng với 459 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 2,2 tỷ đồng tương ứng với 199 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PLC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 541 triệu đồng tương ứng với 34,7 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

Đề nghị giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho DNNVV trong năm nay

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) vừa xây dựng, trình Chính phủ thông qua Dự thảo Nghị quyết về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay và chỉ số tiếp tục kết phiên dưới ngưỡng 780 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 223 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 740 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 800 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 935 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/4, VN-Index có thể sẽ giảm điểm trở lại với ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 750 điểm và vùng kháng cự trong khoảng 780-800 điểm (gap down giữa hai phiên 11/3 và 12/3).

HNX-Index:



HNX-Index hồi phục khá mạnh trong phiên hôm nay và chỉ số hiện kết phiên trên ngưỡng 106 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 44 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 103 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 105 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/4, HNX-Index có thể sẽ giảm điểm trở lại với vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 104-105 điểm (MA50-MA200).



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang

Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 47,45 - 48 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), không đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 10 đồng

Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.256 VND/USD (tăng 10 đồng so với hôm qua).

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 33,2 USD/ounce tương ứng với 1,97% lên 1.721 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,229 điểm tương ứng 0,23% xuống 100,153 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0867 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,2348 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 107,62 JPY.

Giá dầu thế giới giảm mạnh

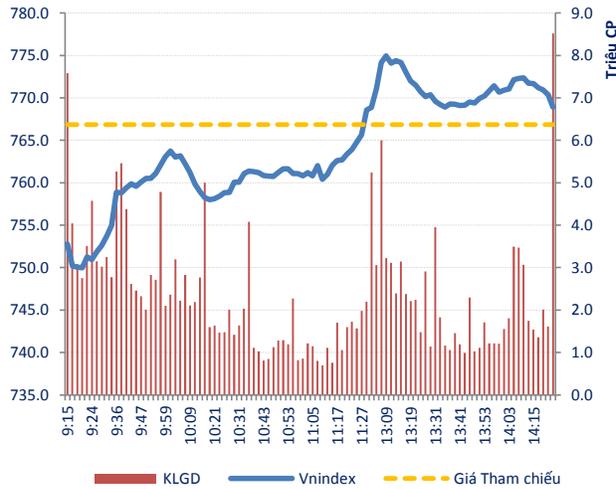
Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,51 USD tương ứng 4,41% xuống 11,06 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm

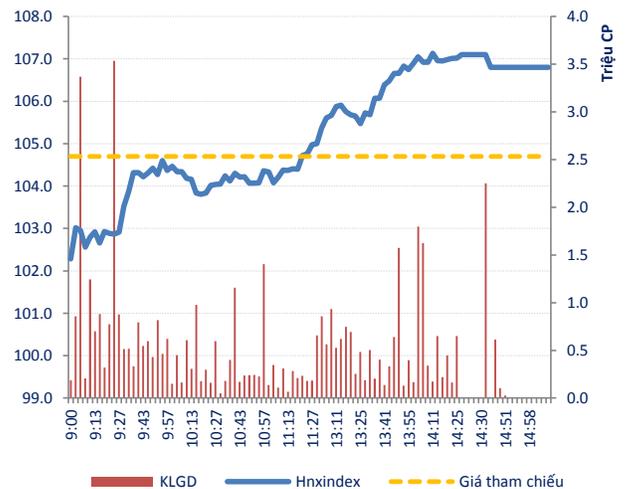
Kết thúc phiên giao dịch ngày 21/4, chỉ số Dow Jones giảm 631,56 điểm tương ứng 2,67% xuống 23.018,88 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 297,5 điểm tương ứng 3,48% xuống 8.263,23 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 86,6 điểm tương ứng 3,07% xuống 2.736,56 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



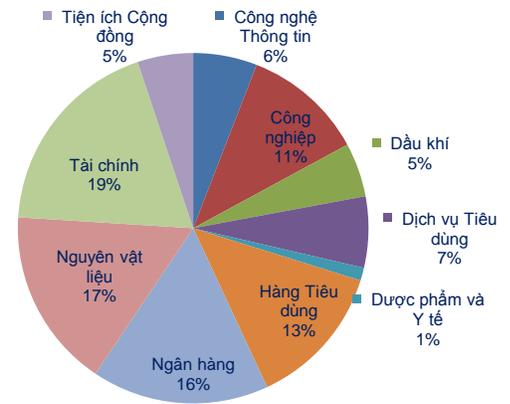
KLGD và HNX-Index trong phiên



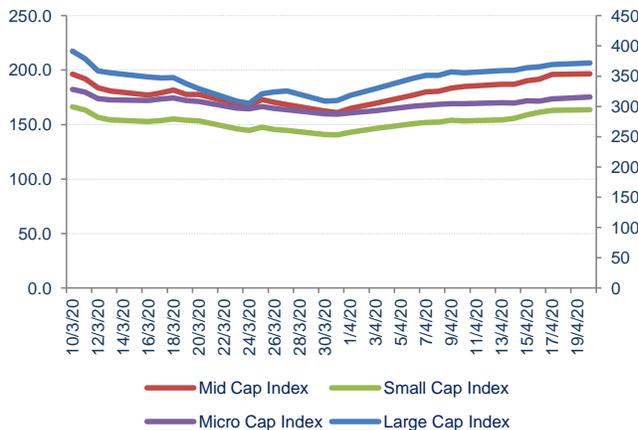
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



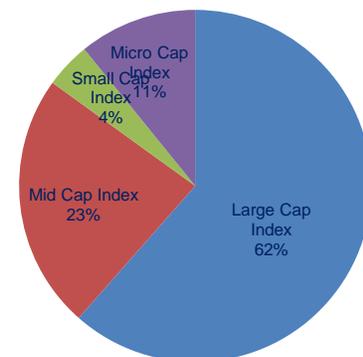
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | HQC | 1,941,600 | STB | 3,451,140 |
| 2 | FPT | 1,661,980 | VRE | 2,635,730 |
| 3 | HAI | 693,450 | HPG | 2,484,520 |
| 4 | VHM | 448,010 | VPB | 1,477,070 |
| 5 | FLC | 425,840 | CTG | 775,850 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SPP | 250,000 | LAS | 459,000 |
| 2 | SDT | 35,000 | PVS | 199,100 |
| 3 | PLC | 34,700 | TIG | 114,100 |
| 4 | VMC | 10,500 | SHB | 43,000 |
| 5 | SHS | 9,900 | BVS | 32,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HPG | 20.20 | 20.80 | ↑ 2.97% | 11,108,450 |
| ROS | 3.59 | 3.57 | ↓ -0.56% | 9,508,130 |
| STB | 8.99 | 9.17 | ↑ 2.00% | 8,168,410 |
| PVD | 9.72 | 9.39 | ↓ -3.40% | 7,479,040 |
| POW | 9.33 | 9.48 | ↑ 1.61% | 6,720,180 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| KLF | 1.60 | 1.70 | ↑ 6.25% | 7,628,153 |
| PVS | 11.70 | 11.50 | ↓ -1.71% | 5,376,431 |
| SHB | 15.70 | 16.20 | ↑ 3.18% | 4,123,761 |
| ACB | 19.80 | 20.40 | ↑ 3.03% | 2,779,324 |
| EBA | 15.90 | 16.00 | ↑ 0.63% | 2,570,000 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| TNC | 15.00 | 16.05 | 1.05 | ↑ 7.00% |
| PTC | 5.43 | 5.81 | 0.38 | ↑ 7.00% |
| DCM | 7.45 | 7.97 | 0.52 | ↑ 6.98% |
| QCG | 5.89 | 6.30 | 0.41 | ↑ 6.96% |
| VNS | 8.81 | 9.42 | 0.61 | ↑ 6.92% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| SPP | 0.40 | 0.50 | 0.10 | ↑ 25.00% |
| KVC | 0.70 | 0.80 | 0.10 | ↑ 14.29% |
| SPI | 0.70 | 0.80 | 0.10 | ↑ 14.29% |
| HHG | 1.00 | 1.10 | 0.10 | ↑ 10.00% |
| DNM | 27.00 | 29.70 | 2.70 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| PIT | 4.00 | 3.72 | -0.28 | ↓ -7.00% |
| L10 | 14.30 | 13.30 | -1.00 | ↓ -6.99% |
| HU1 | 5.72 | 5.32 | -0.40 | ↓ -6.99% |
| TIX | 31.00 | 28.85 | -2.15 | ↓ -6.94% |
| LGC | 45.50 | 42.35 | -3.15 | ↓ -6.92% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| HKB | 0.70 | 0.60 | -0.10 | ↓ -14.29% |
| BII | 0.70 | 0.60 | -0.10 | ↓ -14.29% |
| ECI | 18.10 | 16.30 | -1.80 | ↓ -9.94% |
| VXB | 10.10 | 9.10 | -1.00 | ↓ -9.90% |
| KTS | 9.20 | 8.30 | -0.90 | ↓ -9.78% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| HPG | 11,108,450 | 17.0% | 2,726 | 7.4 | 1.2 |
| ROS | 9,508,130 | 3250.0% | 314 | 11.4 | 0.3 |
| STB | 8,168,410 | 9.0% | 1,329 | 6.8 | 0.6 |
| PVD | 7,479,040 | 1.3% | 437 | 22.2 | 0.3 |
| POW | 6,720,180 | 8.9% | 1,072 | 8.7 | 0.7 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| KLF | 7,628,153 | 0.1% | 8 | 188.5 | 0.2 |
| PVS | 5,376,431 | 6.7% | 1,777 | 6.6 | 0.4 |
| SHB | 4,123,761 | 13.9% | 1,591 | 9.9 | 1.0 |
| ACB | 2,779,324 | 24.6% | 3,692 | 5.4 | 1.2 |
| EBA | 2,570,000 | 3.2% | 364 | 43.7 | 1.5 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| TNC | ↑ 7.0% | 18.5% | 3,190 | 4.7 | 0.8 |
| PTC | ↑ 7.0% | 30.5% | 3,848 | 1.4 | 0.4 |
| DCM | ↑ 7.0% | 6.9% | 805 | 9.3 | 0.6 |
| QCG | ↑ 7.0% | 1.9% | 292 | 20.2 | 0.4 |
| VNS | ↑ 6.9% | 3.5% | 889 | 9.9 | 0.4 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|----------|------|-----|
| SPP | ↑ 25.0% | 0.0% | (24,515) | - | - |
| KVC | ↑ 14.3% | 1.1% | 121 | 5.8 | 0.1 |
| SPI | ↑ 14.3% | 0.1% | 13 | 55.5 | 0.1 |
| HHG | ↑ 10.0% | 0.1% | 15 | 67.9 | 0.1 |
| DNM | ↑ 10.0% | 10.4% | 1,971 | 13.7 | 1.4 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| HQC | 1,941,600 | 1.0% | 87 | 12.2 | 0.1 |
| FPT | 1,661,980 | 19.9% | 4,626 | 10.7 | 2.0 |
| HAI | 693,450 | 0.7% | 83 | 33.1 | 0.2 |
| VHM | 448,010 | 38.5% | 6,499 | 10.5 | 3.5 |
| FLC | 425,840 | 2.9% | 425 | 6.8 | 0.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|----------|------|-----|
| SPP | 250,000 | 0.0% | (24,515) | - | - |
| SDT | 35,000 | 0.9% | 181 | 15.5 | 0.1 |
| PLC | 34,700 | 11.0% | 1,797 | 8.6 | 0.9 |
| VMC | 10,500 | 2.4% | 479 | 20.3 | 0.5 |
| SHS | 9,900 | 11.2% | 1,347 | 6.0 | 0.6 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 314,566 | 6.9% | 2,235 | 41.6 | 2.6 |
| VCB | 265,185 | 21.9% | 4,849 | 14.7 | 3.1 |
| VHM | 223,687 | 38.5% | 6,499 | 10.5 | 3.5 |
| VNM | 168,565 | 37.8% | 6,078 | 15.9 | 5.7 |
| BID | 139,564 | 12.7% | 2,377 | 14.6 | 1.8 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 32,922 | 24.6% | 3,692 | 5.4 | 1.2 |
| SHB | 27,559 | 13.9% | 1,591 | 9.9 | 1.0 |
| VCG | 11,087 | 8.8% | 1,548 | 16.2 | 1.4 |
| VCS | 9,376 | 44.7% | 9,193 | 6.4 | 2.7 |
| PVI | 7,072 | 8.2% | 2,516 | 12.2 | 1.0 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| BVH | 1.96 | 6.2% | 1,550 | 29.4 | 1.7 |
| PTB | 1.95 | 24.8% | 9,134 | 4.9 | 1.2 |
| FRT | 1.75 | 17.5% | 2,705 | 7.0 | 1.2 |
| DGW | 1.63 | 19.9% | 4,313 | 5.2 | 1.0 |
| PNJ | 1.61 | 26.3% | 5,238 | 11.1 | 2.6 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| MBG | 3.55 | 4.6% | 450 | 21.4 | 0.9 |
| SHS | 2.40 | 11.2% | 1,347 | 6.0 | 0.6 |
| V21 | 2.27 | -2.7% | (259) | - | 1.3 |
| C69 | 2.09 | 3.7% | 437 | 12.4 | 0.5 |
| TNG | 2.00 | 22.8% | 3,606 | 3.2 | 0.7 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn